



Vietnam Auditing  
and Valuation  
Company Limited

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOUIS CAPITAL**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2021**  
**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOUIS CAPITAL**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2021**  
**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

T.M.C.

CA \* CA

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOUIS CAPITAL**

Số 07-09, Đường số 07, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông

Thành phố Thủ Đức - Tp Hồ Chí Minh

---

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	2 - 3
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	4 - 5
<b>Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 36

## CÔNG TY CỔ PHẦN LOUIS CAPITAL

Số 07-09, Đường số 07, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông

Thành phố Thủ Đức - Tp Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Louis Capital (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

#### KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty cổ phần Louis Capital được đổi tên từ Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105787835, đăng ký lần đầu ngày 10/02/2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 29/12/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 07-09, Đường số 07, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Thành phố Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 6 đến trang 36.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Mai Long	Chủ tịch	25/11/2021	
Ông Trịnh Văn Bảo	Phó Chủ tịch	25/11/2021	
Ông Đỗ Thành Nhân	Thành viên	06/9/2021	25/11/2021
Ông Nguyễn Hồ Hưng	Thành viên	06/9/2021	25/11/2021
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	06/9/2021	25/11/2021
Ông Ngô Thục Vũ	Thành viên	06/9/2021	
Ông Trịnh Văn Bảo	Chủ tịch	30/6/2021	25/11/2021
Ông Nguyễn Cảnh Dinh	Chủ tịch		30/6/2021
Ông Phùng Văn Xuân	Thành viên		30/6/2021
Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Thành viên		06/9/2021
Ông Võ Kim Nguyên	Thành viên	30/6/2021	06/9/2021
Ông Lê Quang Nhuận	Thành viên	30/6/2021	06/9/2021
Ông Lục Tấn Huy	Thành viên	30/6/2021	06/9/2021

##### Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Kiều Liên	Trưởng ban	08/9/2021	
Ông Hồ Lê Hoàng Anh	Thành viên	08/9/2021	
Ông Phạm Minh Vương	Thành viên	30/6/2021	
Ông Hồ Lê Hoàng Anh	Trưởng ban	30/6/2021	08/9/2021
Bà Nguyễn Thị Đông	Trưởng ban		30/6/2021
Bà Nguyễn Thị Đông	Thành viên	30/6/2021	06/9/2021
Bà Nguyễn Thị Kiều Liên	Thành viên	06/9/2021	08/9/2021
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên		30/6/2021
Ông Nguyễn Thủy Chung	Thành viên		30/6/2021

# CÔNG TY CỔ PHẦN LOUIS CAPITAL

Số 07-09, Đường số 07, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông

Thành phố Thủ Đức - Tp Hồ Chí Minh

## Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Thục Vũ	Tổng Giám đốc	06/9/2021	
Ông Vũ Anh Sinh	Phó Tổng Giám đốc	06/9/2021	
Ông Vũ Anh Sinh	Tổng Giám đốc	26/7/2021	06/9/2021
Ông Phùng Văn Xuân	Tổng Giám đốc		26/7/2021
Ông Phùng Văn Xuân	Phó Tổng Giám đốc	26/7/2021	06/9/2021
Bà Phùng Vũ Tú Anh	Kế toán trưởng	06/12/2021	
Bà Nguyễn Thị Hoa	Kế toán trưởng		06/12/2021

## KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Louis Capital phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2022

T.M/ Hội đồng quản trị

Chủ tịch



Nguyễn Mai Long

Tp Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc

Ngô Thục Vũ

Số: 361 /BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty cổ phần Louis Capital

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Louis Capital (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30/3/2022, từ trang 6 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý người đọc các vấn đề được đề cập tại Thuyết minh số V.4, V.6 trong bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó mô tả việc trong tháng 5, tháng 6 năm 2021 Công ty đã thu hồi được các khoản công nợ phải thu do cá nhân nộp tiền vào ngân hàng để trả thay cho các khách hàng nhưng không có thỏa thuận ba bên giữa Công ty, khách nợ và người trả nợ thay với tổng số tiền là 60.270.890.247 đồng; và cũng trong tháng 5, tháng 6 năm 2021, Công ty nhận được các chứng từ của ngân hàng với nội dung khách hàng trả nợ với tổng số tiền là 65.000.000.000 đồng nhưng không có tên người chuyển trả tiền. Công ty đã căn cứ vào nội dung chuyển tiền trên các chứng từ của ngân hàng để hạch toán giảm công nợ phải thu tương ứng.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác với báo cáo kiểm toán độc lập đề ngày 30/3/2021 trình bày ý kiến kiểm toán ngoại trừ về các vấn đề sau:

- Kiểm toán viên không thể thu thập được bằng chứng đầy đủ và thích hợp để xác nhận khoản mục hàng tồn kho có hiện hữu, đầy đủ đang được trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2020 và 31/12/2020. Toàn bộ hàng tồn kho này đã được Công ty xuất bán trong Quý 2 năm 2021 và đã thu được tiền từ các giao dịch bán hàng này.
- Trong năm 2020, Công ty đang ghi nhận doanh thu và giá vốn bán hàng với giá trị lần lượt là 7.978.310.190 VND và 7.658.377.917 VND không phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021, làm chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2021 và ngày 31/12/2021 tăng thêm cùng một số tiền là 319.932.273 VND.

Ngoài ra, Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm 2020 cũng nêu vấn đề cần nhấn mạnh về khả năng hoạt động liên tục với các dấu hiệu: Doanh thu giảm sút, hoạt động kinh doanh thua lỗ, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh âm tại ngày 31/12/2020, Công ty phát sinh khoản lỗ là 43.483.180.922 VND và tại ngày này khoản lỗ lũy kế là 34.468.855.952 VND, khả năng thanh toán và các chỉ số tài chính không tốt là các yếu tố dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Trong năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đã từng bước được cải thiện, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ là hơn 91,1 tỷ đồng, và Công ty không còn lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2021. Trong năm 2021, Công ty đã tích cực đưa các giải pháp nhằm triển khai các dự án để giải quyết tình trạng khó khăn về tài chính của Công ty. Tại ngày 31/12/2021, Công ty không có bất kỳ khoản nợ đến hạn nào không có khả năng thanh toán, tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản chiếm 49,8%. Từ các yếu tố này, Tổng Giám đốc Công ty cho rằng các vấn đề nêu trên sẽ không ảnh hưởng đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất theo giả định hoạt động liên tục.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề này.



**BÙI QUANG HỢP**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHNKT số 1796-2019-126-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ**

**THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

**LÊ NGỌC KHUÊ**

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHNKT số 0665-2018-126-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU *	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2021	01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>530.172.153.919</b>	<b>74.989.516.379</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>11.653.198.114</b>	<b>769.018.622</b>
1. Tiền	111		6.006.550.371	769.018.622
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.646.647.743	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>48.382.496.000</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	46.495.520.000	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.3	1.886.976.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>365.294.953.214</b>	<b>58.583.409.211</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.4	184.960.598.195	42.618.011.759
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.5	89.530.815.249	1.174.653.001
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	93.956.288.657	57.951.002.312
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.7	(3.152.748.887)	(43.160.257.861)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.8</b>	<b>97.907.782.420</b>	<b>15.294.230.438</b>
1. Hàng tồn kho	141		98.100.969.009	15.294.230.438
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(193.186.589)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.933.724.171</b>	<b>342.858.108</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13	1.779.146.516	3.987.090
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.154.577.655	338.855.019
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	-	15.999
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>308.235.152.893</b>	<b>182.443.441.879</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>7.631.196.057</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	7.631.196.057	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>134.301.565.508</b>	<b>1.881.550.097</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	70.469.044.675	1.881.550.097
- Nguyên giá	222		133.697.983.142	3.288.289.091
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(63.228.938.467)	(1.406.738.994)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	63.832.520.833	-
- Nguyên giá	228		66.257.688.564	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.425.167.731)	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.11</b>	<b>39.098.159.501</b>	<b>32.323.443.007</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		39.098.159.501	32.323.443.007
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.14</b>	<b>98.012.719.015</b>	<b>135.251.435.794</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		86.220.719.015	122.792.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.792.000.000	14.000.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	(1.540.564.206)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>29.191.512.812</b>	<b>12.987.012.981</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	14.045.115.812	12.987.012.981
2. Lợi thế thương mại	269	V.13	15.146.397.000	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>838.407.306.812</b>	<b>257.432.958.258</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2021	01/01/2021
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>417.790.975.678</b>	<b>16.012.820.755</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>395.163.880.044</b>	<b>11.908.154.083</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	274.582.204.619	5.980.081.858
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	18.013.479.531	1.463.422.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	12.128.515.664	-
4. Phải trả người lao động	314		3.804.370.091	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	531.820.636	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	7.547.046.278	2.301.560.985
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	75.122.848.611	832.042.012
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.433.594.614	1.331.046.728
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>22.627.095.634</b>	<b>4.104.666.672</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		61.843.535	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.19	6.153.000.000	3.473.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	16.412.252.099	631.666.672
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>420.616.331.134</b>	<b>241.420.137.503</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>420.616.331.134</b>	<b>241.420.137.503</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		272.999.900.000	272.999.900.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		272.999.900.000	272.999.900.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.954.394.241	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.437.732.736	2.889.093.455
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		52.171.315.137	(34.468.855.952)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(38.981.892.988)	9.014.324.970
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		91.153.208.125	(43.483.180.922)
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		87.052.989.020	-
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>838.407.306.812</b>	<b>257.432.958.258</b>

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( )

Tp Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu



Phùng Vũ Tú Anh

Kế toán trưởng



Phùng Vũ Tú Anh

Tổng Giám đốc



Ngô Thục Vũ

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	801.896.949.862	10.219.183.190
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		801.896.949.862	10.219.183.190
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	752.322.923.440	10.134.252.623
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		49.574.026.422	84.930.567
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	64.467.611.681	1.962.191.710
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	30.054.342.872	1.475.113.823
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.107.061.572	238.669.612
8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết	24		2.920.719.015	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	10.731.553.849	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	(31.379.594.791)	43.841.683.713
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		107.556.055.188	(43.269.675.259)
12. Thu nhập khác	31	VI.7	1.481.302.436	13.636.364
13. Chi phí khác	32	VI.8	1.097.622.918	227.142.027
14. Lợi nhuận khác	40		383.679.518	(213.505.663)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		107.939.734.706	(43.483.180.922)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	9.441.607.450	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		98.498.127.256	(43.483.180.922)
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		91.153.208.125	(43.483.180.922)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		7.344.919.131	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	3.339	(1.593)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	3.339	(1.593)

Tp Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu



Phùng Vũ Tú Anh

Kế toán trưởng



Phùng Vũ Tú Anh

Tổng Giám đốc



Ngô Thục Vũ

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Theo phương pháp gián tiếp

Năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2021	Đơn vị tính: đồng Năm 2020
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	107.939.734.706	(43.483.180.922)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	4.010.920.097	344.168.976
- Các khoản dự phòng	03	(44.490.926.167)	43.118.746.172
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(59.492.566)	(27.457.290)
- Chi phí lãi vay	06	10.107.061.572	238.669.612
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	77.507.297.642	190.946.548
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(111.119.609.498)	364.431.907
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	12.799.248.850	2.253.243.705
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	77.346.291.186	(3.278.335.776)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(695.656.995)	360.357.496
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(46.495.520.000)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(10.044.908.827)	(120.522.102)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(357.584.480)	(311.011.681)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(348.952.032)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(1.409.394.154)</b>	<b>(540.889.903)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(21.341.981.463)	(427.636.365)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.364.272.727	27.272.728
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.886.976.000)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(97.542.623.554)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	135.000.000.000	95.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	128.630.515	184.562
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>15.721.322.225</b>	<b>(305.179.075)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	968.195.306.315	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(971.623.054.894)	(1.101.791.409)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(3.427.748.579)</b>	<b>(1.101.791.409)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50	<b>10.884.179.492</b>	<b>(1.947.860.387)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	769.018.622	2.716.879.009
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	<b>11.653.198.114</b>	<b>769.018.622</b>

Tp Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Phùng Vũ Tú Anh

Phùng Vũ Tú Anh

Ngô Thục Vũ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Năm 2021****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Louis Capital được đổi tên từ Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105787835, đăng ký lần đầu ngày 10/02/2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 29/12/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 07-09, Đường số 07, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Thành phố Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là TGG.

Ngày 31/5/2021, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 306/QĐ-SGDHCM chuyển cổ phiếu TGG từ diện cảnh báo sang diện kiểm soát kể từ ngày 07/6/2021. Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục giữ nguyên diện kiểm soát đối với cổ phiếu TGG do tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn chưa có dấu hiệu khắc phục rõ ràng cần tiếp tục theo dõi đến khi Công ty công bố thông tin Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021. Việc xem xét hướng xử lý tiếp theo đối với cổ phiếu TGG sẽ căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021 của Công ty.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty và các Công ty con tại ngày 31/12/2021 là 135 người (tại ngày 01/01/2021 là 09 người).

**2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty và các Công ty con trong năm là kinh doanh mua bán vật liệu xây dựng, xây dựng công trình, tư vấn quản lý, cho thuê mặt bằng; Kinh doanh mua bán gạo; Kinh doanh vật liệu điện, viễn thông, năng lượng điện; Kinh doanh mua bán tài sản, mua bán nợ và kinh doanh kho vận, logistics.

**3. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có 04 Công ty con, 01 Công ty liên kết và 03 Chi nhánh, cụ thể như sau:

Tên doanh nghiệp	Trụ sở chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Vốn điều lệ thực góp tại ngày 31/12/2021	Hoạt động kinh doanh chính
<b>Công ty mẹ</b>				
Công ty cổ phần Louis Capital	Tp HCM	100,0%	272.999.900.000	Kinh doanh thương mại, tư vấn quản lý, mua bán doanh nghiệp
<b>Các Công ty con</b>				
Công ty cổ phần Golden Paddy	An Giang	51,0%	65.000.000.000	Kinh doanh gạo
Công ty cổ phần Sametel	Đồng Nai	51,2%	54.674.320.000	Kinh doanh vật liệu điện, viễn thông, năng lượng điện
Công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Louis AMC	Tp HCM	85,6%	103.627.000.000	Mua bán tài sản, mua bán nợ
Công ty TNHH MTV Kho vận Wings Global	Tp HCM	100,0%	2.000.000.000	Kho vận, logistics

**3. Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)**

Tên doanh nghiệp	Trụ sở chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Vốn điều lệ thực góp tại ngày 31/12/2021	Hoạt động kinh doanh chính
<i>Công ty liên kết</i>				
Công ty TNHH Angimex Furious	An Giang	49,0%	100.000.000.000	Mua bán xe gắn máy và phụ tùng, dịch vụ sửa chữa
<i>Các Chi nhánh</i>				
Chi nhánh Hà Nội - Công ty cổ phần Louis Capital	Hà Nội	100,0%		Hoạt động tư vấn quản lý
Chi nhánh Phú Thọ - Công ty cổ phần Louis Capital	Phú Thọ	100,0%		Xây dựng
Chi nhánh Công ty cổ phần Louis Capital - Trang trại Hòa Bình	Hòa Bình	100,0%		Chăn nuôi

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các văn bản pháp lý khác theo qui định của nhà nước.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các Công ty con do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các Công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty đó.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của Công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại hoặc bất lợi thương mại. Lợi thế thương mại được phân bổ trong 10 năm. Bất lợi thương mại được ghi nhận một lần vào kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này giữa Công ty mẹ và các Công ty con được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

## **2. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về tài sản, công nợ và việc trình bày các khoản tài sản, công nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

## **3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

## **4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

### ***Đầu tư vào Công ty liên kết***

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được kê toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

### ***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

### ***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh phản ánh tình hình mua, bán và thanh toán các loại chứng khoán theo quy định của pháp luật nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định*****Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình***

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và các văn bản pháp lý sửa đổi, bổ sung khác theo qui định của nhà nước, cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 15
Máy móc thiết bị	2 - 15
Phương tiện vận tải	2 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	2 - 5
Quyền sử dụng đất	38 - 47
Bản quyền, bằng sáng chế	3 - 5
Phần mềm kế toán	3

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ, chi phí lãi vay được vốn hóa và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê mặt bằng, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Khoản phải trả bao gồm các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ. Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh) tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC hợp nhất, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, hoặc nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng. Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán. Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng qui định hiện hành.

#### 11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Giá trị khoản nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê còn phải trả tại thời điểm lập BCTC.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ.

Khi lập BCTC số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay, thuê tài chính.

#### 12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%.

#### 13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### 14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

*Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

*Nguyên tắc ghi nhận quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được phê duyệt bởi các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.



**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*****Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chậm thanh toán, lãi mua bán chứng khoán kinh doanh, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng, bảng tính lãi chậm thanh toán, lãi khi bán chứng khoán kinh doanh.

**16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

**17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí cho vay và đi vay vốn, các khoản phí giao dịch mua bán chứng khoán kinh doanh và các khoản lỗ do mua bán chứng khoán kinh doanh.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**18. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty.

**19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**20. Công cụ tài chính**

***Tài sản tài chính***

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

***Nợ phải trả tài chính***

Tất cả các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

***Giá trị sau ghi nhận lần đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**21. Các bên liên quan**

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Công ty trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Đơn vị tính: đồng	
	31/12/2021	01/01/2021
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
- Tiền mặt	363.841.027	686.750.737
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.642.709.344	82.267.885
- Các khoản tương đương tiền	5.646.647.743	-
<b>Cộng</b>	<b>11.653.198.114</b>	<b>769.018.622</b>

Các khoản tương đương tiền gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần, lãi suất từ 2,9%/năm đến 3,3%/năm.

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>2. Chứng khoán kinh doanh</b>						
- Công ty cổ phần Dược Lâm Đồng	46.495.520.000	48.750.000.000	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>46.495.520.000</b>	<b>48.750.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Số lượng cổ phiếu của Công ty cổ phần Dược Lâm Đồng Công ty đang sở hữu tại ngày 31/12/2021 là 1.300.000 cổ phiếu, giá đóng cửa ngày 31/12/2021 là 37.500 đồng/cổ phiếu.

Ngày 16/3/2022, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 1.300.000 cổ phần Công ty đang sở hữu tại Công ty cổ phần Dược Lâm Đồng cho Công ty cổ phần Louis Holdings theo phương thức thỏa thuận.

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.886.976.000	1.886.976.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	1.886.976.000	1.886.976.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.886.976.000</b>	<b>1.886.976.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 4 tháng đến 7 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần, lãi suất từ 3,1%/năm đến 3,9%/năm.

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>4. Phải thu khách hàng</b>				
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	147.685.602.886	16.679.513.849		
- Công ty cổ phần Delex Việt Nam	-	2.159.000.000		
- Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng GDM	-	5.808.132.849		
- Công ty cổ phần Sana Việt Nam	-	4.259.853.000		
- Công ty cổ phần Sản xuất XNK Việt Bách	-	4.401.760.000		
- Công ty TNHH Ferino	8.352.000.000	-		
- Công ty TNHH TM DV XNK Gia Thành	4.720.000.000	-		
- Công ty TNHH TM Trọng Thị	5.448.010.000	-		
- Tổng Công ty Viễn thông Viettel	20.374.200.000	-		
- Công ty TNHH TM và Vận tải Tuấn Thuận Phát Vitel	11.940.500.000	-		
- Chi nhánh Công ty cổ phần Viễn thông FPT	22.025.467.640	-		
- Công ty TNHH Viễn thông Vạn Phú	14.551.938.396	-		
- Công ty cổ phần Năng lượng Xanh Phúc Lâm	11.377.514.745	-		
- Các khách hàng khác	48.895.972.105	50.768.000		
b) Phải thu khách hàng là bên liên quan	37.274.995.309	25.938.497.910		
- Chi tiết tại thuyết minh số VIII.2	37.274.995.309	25.938.497.910		
<b>Cộng</b>	<b>184.960.598.195</b>	<b>42.618.011.759</b>		

Trong tháng 5, tháng 6 năm 2021, Bà Nguyễn Thị Đông nguyên Trưởng Ban kiểm soát Công ty đã nộp tiền vào ngân hàng để trả thay cho các khách hàng là bên thứ ba và các khách hàng là bên liên quan với tổng số tiền là 31.920.674.028 đồng nhưng không có thỏa thuận ba bên giữa Công ty, khách nợ và Bà Đông về việc trả nợ thay này.

	31/12/2021	01/01/2021
<b>5. Trả trước cho người bán</b>		
<i>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	<b>23.689.891.249</b>	<b>1.174.653.001</b>
- Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Toàn Thịnh	10.050.000.000	-
- Công ty cổ phần Năng lượng Xanh Phúc Lâm	6.000.000.000	-
- Các khách hàng khác	7.639.891.249	1.174.653.001
<i>b) Trả trước cho người bán là bên liên quan</i>	<b>65.840.924.000</b>	-
- Chi tiết tại thuyết minh số VIII.2	65.840.924.000	-
<b>Cộng</b>	<b>89.530.815.249</b>	<b>1.174.653.001</b>

Trả trước cho người bán ngắn hạn là bên liên quan trong đó có thể hiện khoản tiền Công ty đã trả cho Bà Từ Thị Hồng Thanh để mua lại cổ phần tại Công ty cổ phần Golden Paddy theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2021/HĐCNCP ngày 10/9/2021. Theo hợp đồng này, Công ty sẽ mua lại 7.500.000 cổ phần với giá trị là 75.000.000.000 đồng của Bà Từ Thị Hồng Thanh đang sở hữu tại Công ty cổ phần Golden Paddy, nhưng đến ngày 31/12/2021, Công ty cổ phần Golden Paddy chỉ xác nhận số cổ phần Công ty đang sở hữu là 3.000.000 cổ phần, tương ứng với giá trị theo mệnh giá là 30.000.000.000 đồng. Số tiền Công ty đã trả thừa cho Bà Thanh là 45.000.000.000 đồng, Bà Thanh có trách nhiệm tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng cổ phần theo hợp đồng đã ký.

	31/12/2021	01/01/2021
<b>6. Phải thu khác</b>		
<i>a) Phải thu ngắn hạn khác</i>	<b>93.956.288.657</b>	<b>57.951.002.312</b>
<i>Phải thu ngắn hạn khác là bên thứ ba</i>	<b>93.717.714.690</b>	<b>5.519.216.219</b>
- Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Tài nguyên môi trường Đông Nam Á - Tiền lãi hợp tác kinh doanh	-	3.777.716.219
- Tạm ứng	93.557.427.650	1.741.500.000
- Ký quỹ, ký cược	110.064.862	-
- Phải thu khác	50.222.178	-
<i>Phải thu ngắn hạn khác là bên liên quan</i>	<b>238.573.967</b>	<b>52.431.786.093</b>
- Chi tiết tại thuyết minh số VIII.2	238.573.967	52.431.786.093
<i>b) Phải thu dài hạn khác</i>	<b>7.631.196.057</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	7.631.196.057	-
<b>Cộng</b>	<b>101.587.484.714</b>	<b>57.951.002.312</b>

Trong tháng 5, tháng 6 năm 2021, Bà Nguyễn Thị Đông nguyên Trưởng Ban kiểm soát Công ty đã nộp tiền vào ngân hàng để trả thay cho các khách hàng là bên thứ ba và các khách hàng là bên liên quan (khoản công nợ phải thu còn dư tại ngày 01/01/2021 và công nợ phải thu phát sinh trong năm 2021) với tổng số tiền là 28.350.216.219 đồng nhưng không có thỏa thuận ba bên giữa Công ty, khách nợ và Bà Đông về việc trả nợ thay này.

Cũng trong tháng 5, tháng 6 năm 2021, Công ty nhận được các giấy báo có của ngân hàng với nội dung khách hàng trả nợ (khoản công nợ phải thu còn dư tại ngày 01/01/2021 và công nợ phải thu phát sinh trong năm 2021) với tổng số tiền là 65.000.000.000 đồng nhưng không có tên người chuyển trả tiền trên giấy báo có. Công ty đã căn cứ vào nội dung chuyển tiền trên các giấy báo có để hạch toán giảm công nợ phải thu tương ứng.

Tạm ứng cho nhân viên thể hiện khoản tạm ứng cho (i) Bà Từ Thị Hồng Thanh với tổng số tiền 43.190.000.000 đồng để đi mua bất động sản mục tiêu tại Ấp An Hòa, Xã An Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang, thời hạn hoàn ứng là 12 tháng từ ngày nhận tạm ứng. và (ii) tạm ứng cho Bà Mai Thị Kim Phượng với tổng số tiền 49.000.000.000 đồng để đi mua bất động sản mục tiêu tại Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn hoàn ứng là 12 tháng từ ngày nhận tạm ứng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, các giao dịch về mua bất động sản mục tiêu vẫn chưa thực hiện được.

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	31/12/2021				01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
<b>Bên thứ ba</b>	<b>3.642.505.988</b>	<b>489.757.101</b>	<b>3.152.748.887</b>	<b>12.226.985.849</b>	<b>1.079.500.000</b>	<b>11.147.485.849</b>
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.942.852.987	-	2.942.852.987	12.226.985.849	1.079.500.000	11.147.485.849
- Trả trước cho người bán	699.653.001	489.757.101	209.895.900	-	-	-
<b>Bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>63.213.522.012</b>	<b>31.200.750.000</b>	<b>32.012.772.012</b>
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	-	-	-	18.641.022.012	-	18.641.022.012
- Phải thu ngắn hạn khác	-	-	-	44.572.500.000	31.200.750.000	13.371.750.000
<b>Cộng</b>	<b>3.642.505.988</b>	<b>489.757.101</b>	<b>3.152.748.887</b>	<b>75.440.507.861</b>	<b>32.280.250.000</b>	<b>43.160.257.861</b>

Số tiền nợ phải thu khó đòi tại ngày 01/01/2021 Công ty đã thu được trong tháng 5, tháng 6 năm 2021 do Bà Nguyễn Thị Đông nguyên Trưởng Ban kiểm soát Công ty nộp và khoản tiền khoản tiền trên giấy báo có không thể hiện tên người chuyển trả tiền. Căn cứ số tiền đã thu được, Công ty đã hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. (Xem thuyết minh số V.4; V.6).

8. Hàng tồn kho	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	25.781.650.133	92.219.288	2.306.029.519	-
- Công cụ, dụng cụ	253.964.259	-	-	-
- Chi phí SX kinh doanh dở dang	20.603.719.687	-	1.520.266.395	-
- Thành phẩm	7.323.626.872	-	-	-
- Hàng hóa	42.573.620.351	100.967.301	11.467.934.524	-
- Hàng gửi bán	1.564.387.707	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>98.100.969.009</b>	<b>193.186.589</b>	<b>15.294.230.438</b>	<b>-</b>

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>				
Số dư đầu kỳ	-	-	-	-
Số tăng trong kỳ	65.461.580.464	711.158.600	84.949.500	66.257.688.564
- Tăng do hợp nhất	65.461.580.464	711.158.600	84.949.500	66.257.688.564
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	65.461.580.464	711.158.600	84.949.500	66.257.688.564
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	-	-	-	-
Số tăng trong kỳ	1.829.655.271	510.562.960	84.949.500	2.425.167.731
- Khấu hao trong kỳ	186.859.077	86.282.360	-	273.141.437
- Tăng do hợp nhất	1.642.796.194	424.280.600	84.949.500	2.152.026.294
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.829.655.271	510.562.960	84.949.500	2.425.167.731
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	-
Tại ngày cuối kỳ	63.631.925.193	200.595.640	-	63.832.520.833

Như đã trình bày tại thuyết minh số V.20, Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định vô hình với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2021 là 63.631.925.193 đồng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn tại ngân hàng.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 174.875.100 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOUIS CAPITAL**Số 07-09, Đường số 07, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông  
Thành phố Thủ Đức - Tp Hồ Chí Minh**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà xưởng vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Đơn vị tính: đồng	
					Tổng cộng	
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>						
Số dư đầu kỳ	-	-	<b>3.288.289.091</b>	-		<b>3.288.289.091</b>
Số tăng trong kỳ	19.725.100.597	88.535.921.408	23.657.593.637	1.479.367.500		133.397.983.142
- <i>Mua trong kỳ</i>	-	1.287.835.455	12.213.909.091	1.402.017.500		14.903.762.046
- <i>Tăng do hợp nhất</i>	19.725.100.597	87.248.085.953	11.443.684.546	77.350.000		118.494.221.096
Số giảm trong kỳ	-	-	2.988.289.091	-		2.988.289.091
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	2.988.289.091	-		2.988.289.091
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>19.725.100.597</b>	<b>88.535.921.408</b>	<b>23.957.593.637</b>	<b>1.479.367.500</b>		<b>133.697.983.142</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	-	-	<b>1.406.738.994</b>	-		<b>1.406.738.994</b>
Số tăng trong kỳ	11.105.015.171	47.819.352.599	4.167.455.904	126.680.247		63.218.503.921
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	575.833.313	2.530.459.109	631.486.238	-		3.737.778.660
- <i>Tăng do hợp nhất</i>	10.529.181.858	45.288.893.490	3.535.969.666	126.680.247		59.480.725.261
Số giảm trong kỳ	-	80.000.000	1.316.304.448	-		1.396.304.448
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	80.000.000	1.316.304.448	-		1.396.304.448
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>11.105.015.171</b>	<b>47.739.352.599</b>	<b>4.257.890.450</b>	<b>126.680.247</b>		<b>63.228.938.467</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
<b>Tại ngày đầu kỳ</b>			<b>1.881.550.097</b>			<b>1.881.550.097</b>
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>8.620.085.426</b>	<b>40.796.568.809</b>	<b>19.699.703.187</b>	<b>1.352.687.253</b>		<b>70.469.044.675</b>

Như đã trình bày tại thuyết minh số V.20, Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2021 là 2.690.377.113 đồng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn tại ngân hàng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 41.003.599.058 đồng.

11. Tài sản dở dang dài hạn	31/12/2021	01/01/2021
<i>a) Xây dựng cơ bản dở dang</i>	<b>39.098.159.501</b>	<b>32.323.443.007</b>
- Dự án Trang trại chăn nuôi lợn theo hướng công nghiệp	30.923.548.620	29.403.282.225
- Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Ao Giời - Suối Tiên	2.962.160.782	2.920.160.782
- Dự án Solar City Angimex An Giang	732.132.035	-
- Dự án Hệ thống điện năng lượng mặt trời giai đoạn 4	571.227.155	-
- Nhà máy Gạo Golden Paddy	3.909.090.909	-
<b>Cộng</b>	<b>39.098.159.501</b>	<b>32.323.443.007</b>

Dự án Trang trại chăn nuôi lợn theo hướng công nghiệp tại Xóm Phương Viên, Xã Tân Thành, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 25121000446 do Ủy ban nhân dân Tỉnh Hòa Bình chứng nhận ngày 13/5/2014. Theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thì tổng vốn đầu tư của dự án là 150 tỷ đồng, thời gian khai thác dự kiến là quý II/2016. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, dự án vẫn chưa thực hiện xong và đang tạm ngừng thi công. Công ty đang tiến hành các thủ tục để điều chỉnh quy mô, mục tiêu và tiến độ thực hiện dự án.

Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Ao Giời - Suối Tiên tại Tiểu khu 48, Xã Quân Khê, Huyện Hạ Hòa, Tỉnh Phú Thọ theo Quyết định chủ trương đầu tư số 2237/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Phú Thọ. Tổng mức đầu tư giai đoạn I (2017-2021) là 118,8 tỷ đồng, tổng mức đầu tư giai đoạn 2 (2021-2025) là 174,5 tỷ đồng. Đến thời điểm này, dự án vẫn đang được thực hiện.

12. Chi phí trả trước	31/12/2021	01/01/2021
<i>a) Ngắn hạn</i>	<b>1.779.146.516</b>	<b>3.987.090</b>
- Chi phí thuê mái nhà xưởng	112.206.220	-
- Công cụ dụng cụ	60.781.872	-
- Các khoản chi phí khác	1.606.158.424	3.987.090
<i>b) Dài hạn</i>	<b>14.045.115.812</b>	<b>12.987.012.981</b>
Chi phí thuê diện tích thương mại dịch vụ, văn phòng tòa nhà SME Hoàng Gia	12.638.306.268	12.987.012.981
- Công cụ dụng cụ	580.461.034	-
- Chi phí sửa chữa	372.727.971	-
- Các khoản chi phí khác	453.620.539	-
<b>Cộng</b>	<b>15.824.262.328</b>	<b>12.991.000.071</b>

Chi phí thuê diện tích thương mại dịch vụ, văn phòng tòa nhà SME Hoàng Gia theo Hợp đồng cho thuê số 01-T5(S1.S3)HĐCTMB/SME-HG ngày 20/6/2016 giữa Công ty cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia và Công ty. Tổng diện tích thuê là 582,0m<sup>2</sup>, thời hạn thuê từ tháng 6/2016 đến hết tháng 6/2058, tổng giá trị tiền thuê của hợp đồng là 16.000.000.000 đồng.

13. Lợi thế thương mại	31/12/2021	01/01/2021
- Lợi thế thương mại đầu năm	-	-
- Lợi thế thương mại tăng trong năm	16.829.330.000	-
- Phân bổ lợi thế thương mại tăng trong năm	1.682.933.000	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>15.146.397.000</b>	<b>-</b>

Giá trị lợi thế thương mại được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá phí đầu tư của Công ty và giá trị hợp lý của khoản đầu tư theo báo cáo tài chính của các Công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được phân bổ trong 10 năm và ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOUIS CAPITAL**Số 07-09, Đường số 07, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông  
Thành phố Thủ Đức - Tp Hồ Chí Minh**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

**14. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Đơn vị tính: đồng
	86.220.719.015	-	-	122.792.000.000	-	-	01/01/2021
a) Đầu tư vào Công ty liên kết	86.220.719.015	-	-	-	-	-	
- Công ty TNHH Angimex Furious (i)	-	-	-	-	-	-	
- Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng công nghiệp Tân Vinh (ii)	-	-	-	45.000.000.000	-	-	
- Công ty cổ phần Đầu tư phát triển 299 (iii)	-	-	-	76.000.000.000	-	-	
- Công ty cổ phần Du lịch Ao Giời - Suối Tiên (iv)	-	-	-	1.792.000.000	-	-	
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11.792.000.000	-	-	14.000.000.000	(1.540.564.206)	-	
- Công ty cổ phần Du lịch Ao Giời - Suối Tiên (iv)	1.792.000.000	-	-	-	-	-	
- Công ty cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia (v)	-	-	-	14.000.000.000	(1.540.564.206)	-	
- Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice (vi)	10.000.000.000	-	-	-	-	-	
<b>Cộng</b>	<b>98.012.719.015</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>136.792.000.000</b>	<b>(1.540.564.206)</b>	<b>-</b>	

- (i) Trong năm, Công ty đã mua lại vốn góp của Công ty TNHH Lương thực Angimex Furious với tổng số tiền mua theo điều lệ là 49.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 49% vốn thực góp và chiếm tỷ lệ 49% quyền biểu quyết. Giá trị đầu tư vào Công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- (ii) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 4.500.000 cổ phần của Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng công nghiệp Tân Vinh, tương ứng 45% vốn điều lệ theo phương thức thỏa thuận. Tại ngày 31/12/2021, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 8.000.000 cổ phần của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển 299, tương ứng 40% vốn điều lệ theo phương thức thỏa thuận. Tại ngày 31/12/2021, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 8.000.000 cổ phần của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển 299, tương ứng 40% vốn điều lệ theo phương thức thỏa thuận. Tại ngày 31/12/2021, Công ty cổ phần Đầu tư phát triển 299 không còn là Công ty liên kết của Công ty.
- (iii) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 8.000.000 cổ phần của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển 299, tương ứng 40% vốn điều lệ theo phương thức thỏa thuận. Tại ngày 31/12/2021, Công ty cổ phần Đầu tư phát triển 299 không còn là Công ty liên kết của Công ty.
- (iv) Trong năm, Công ty đã phân loại khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Du lịch Ao Giời - Suối Tiên từ đầu tư vào Công ty liên kết sang đầu tư góp vốn vào đơn vị khác do tỷ lệ sở hữu vốn thực góp của Công ty tại ngày 31/12/2021 chiếm 3,6% vốn điều lệ. Ngày 28/02/2022, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 179.200 cổ phần của Công ty cổ phần Du lịch Ao Giời - Suối Tiên theo phương thức thỏa thuận với giá trị chuyển nhượng là 1.792.000.000 đồng.
- (v) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 175.000 cổ phần của Công ty cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia, tương ứng 4,82% vốn điều lệ theo phương thức thỏa thuận. Tại ngày 31/12/2021, Công ty không còn vốn góp tại Công ty cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia.
- (vi) Trong năm, Công ty đã góp vốn vào Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice với tổng số tiền theo mệnh giá là 7.193.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 10% vốn thực góp và chiếm tỷ lệ 10% quyền biểu quyết.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào các Công ty chưa niêm yết.



15. Phải trả người bán	31/12/2021	01/01/2021
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn là bên thứ ba</b>	<b>201.630.918.254</b>	<b>4.630.592.998</b>
- Công ty cổ phần Nông nghiệp công nghệ cao Trung An Kiên Giang	4.950.000.000	-
- Công ty cổ phần Golden Paddy SG	69.852.759.105	-
- Công ty TNHH Hyosung Việt Nam	17.146.639.969	-
- Công ty cổ phần Công nghệ Chấn Việt	12.950.564.000	-
- Công ty TNHH Hoàng Ngọc Tùng	12.158.260.457	-
- Các nhà cung cấp khác	84.572.694.723	4.630.592.998
<b>b) Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan</b>	<b>72.951.286.365</b>	<b>1.349.488.860</b>
- Chi tiết tại thuyết minh số VIII.2	72.951.286.365	1.349.488.860
<b>Cộng</b>	<b>274.582.204.619</b>	<b>5.980.081.858</b>

Tại ngày 01/01/2021 và 31/12/2021, Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

16. Người mua trả tiền trước	31/12/2021	01/01/2021
<b>a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn là bên thứ ba</b>	<b>3.881.554.649</b>	<b>1.463.422.500</b>
- Công ty cổ phần Dây và Cáp Sacom	1.868.460.000	-
- Các khách hàng khác	2.013.094.649	1.463.422.500
<b>b) Người mua trả tiền trước ngắn hạn là bên liên quan</b>	<b>14.131.924.882</b>	<b>-</b>
- Chi tiết tại thuyết minh số VIII.2	14.131.924.882	-
<b>Cộng</b>	<b>18.013.479.531</b>	<b>1.463.422.500</b>

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	01/01/2021	Số phải nộp/tăng do hợp nhất trong kỳ	Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ	31/12/2021
<b>a) Phải nộp</b>	-	<b>25.610.389.303</b>	<b>13.481.873.639</b>	<b>12.128.515.664</b>
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	12.825.195.626	10.387.120.870	2.438.074.756
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	9.799.175.931	357.584.480	9.441.591.451
- Thuế thu nhập cá nhân	-	1.017.817.853	768.968.396	248.849.457
- Các khoản phải nộp khác	-	1.968.199.893	1.968.199.893	-
<b>Cộng</b>	-	<b>25.610.389.303</b>	<b>13.481.873.639</b>	<b>12.128.515.664</b>
<b>b) Phải thu</b>	<b>15.999</b>	<b>15.999</b>	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.999	15.999	-	-
<b>Cộng</b>	<b>15.999</b>	<b>15.999</b>	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18. Chi phí phải trả	31/12/2021	01/01/2021
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>531.820.636</b>	<b>-</b>
- Chi phí lãi vay	62.152.745	-
- Chi phí khác	469.667.891	-
<b>Cộng</b>	<b>531.820.636</b>	<b>-</b>

19. Phải trả khác	31/12/2021	01/01/2021
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>7.547.046.278</b>	<b>2.301.560.985</b>
- Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	633.394.981	73.937.675
- UBND Tỉnh Hòa Bình hỗ trợ	2.100.000.000	2.100.000.000
- Cổ tức phải trả	1.546.903.237	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.266.748.060	127.623.310
<b>b) Dài hạn</b>	<b>6.153.000.000</b>	<b>3.473.000.000</b>
- Tiền hợp tác đầu tư Khu du lịch nghỉ dưỡng Ao Giời - Suối Tiên	6.153.000.000	3.473.000.000
<b>Cộng</b>	<b>13.700.046.278</b>	<b>5.774.560.985</b>

UBND Tỉnh Hòa Bình hỗ trợ cho Công ty để thực hiện dự án Trang trại chăn nuôi lợn theo hướng công nghiệp tại Xóm Phương Viên, Xã Tân Thành, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình. (Xem thuyết minh số V.11)

Tiền hợp tác đầu tư Khu du lịch nghỉ dưỡng Ao Giời - Suối Tiên nhận của các cá nhân theo các hợp đồng hợp tác đầu tư để cùng thực hiện dự án. (Xem thuyết minh số V.11)

20. Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2021		01/01/2021	
	Số có khả năng trả nợ	Trong năm	Giảm	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>75.122.848.611</b>	<b>1.044.948.607.807</b>	<b>970.657.801.208</b>	<b>832.042.012</b>
- Vay ngân hàng <sup>(1)</sup>	74.039.114.617	159.782.664.132	85.743.549.515	-
- Vay Công ty chứng khoán <sup>(2)</sup>	-	831.432.759.681	831.432.759.681	-
- Vay cá nhân	-	52.649.450.000	52.649.450.000	-
- Vay dài hạn đến hạn trả <sup>(3)</sup>	1.083.733.994	1.083.733.994	832.042.012	832.042.012
<b>b) Dài hạn</b>	<b>16.412.252.099</b>	<b>16.745.839.113</b>	<b>965.253.686</b>	<b>631.666.672</b>
- Vay dài hạn <sup>(3)</sup>	16.412.252.099	16.745.839.113	965.253.686	631.666.672

<sup>(1)</sup> Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

	31/12/2021	01/01/2021
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Phú Nhuận	37.289.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	35.361.264.317	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Gia Định	1.388.850.300	-
<b>Cộng</b>	<b>74.039.114.617</b>	<b>-</b>

- Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Phú Nhuận theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 57/2021/HĐHM-PN/SHB.130111 ngày 24/5/2021, giá trị hạn mức tín dụng là 40 tỷ đồng, mục đích để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng, lãi suất được quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ. Tài sản thế chấp là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (Trình bày ở thuyết minh số V.10).

- Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng số 0291/SGN.KHDN/LD21 ngày 05/10/2021, giá trị hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng, mục đích để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng, lãi suất được quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ. Tài sản thế chấp được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp.

- Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Gia Định theo hợp đồng tín dụng số 28144.21.220.1470256.TD ngày 14/9/2021, giá trị hạn mức tín dụng là 25 tỷ đồng, mục đích để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, thời hạn cấp hạn mức đến ngày 06/5/2022, lãi suất được quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ. Tài sản thế chấp được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp.

<sup>(2)</sup> Vay Công ty chứng khoán thể hiện khoản vay của Công ty cổ phần Chứng khoán APG và Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt - Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh. Mục đích vay để mua bán kinh doanh chứng khoán, lãi suất, thời hạn vay theo từng lần nhận nợ cụ thể, tài sản thế chấp là các chứng khoán được mua từ vốn vay.

**20. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)****<sup>(3)</sup> Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:**

	31/12/2021	01/01/2021
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Hà Nội	-	956.357.575
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Ngô Quyền	-	192.351.109
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thăng Long	-	315.000.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - PGD Nguyễn Oanh	17.495.986.093	-
<b>Cộng</b>	<b>17.495.986.093</b>	<b>1.463.708.684</b>
Trong đó:		
+ Số phải trả trong vòng 12 tháng (trình bày ở thuyết minh số V.20a)	1.083.733.994	832.042.012
+ Số phải trả sau 12 tháng (trình bày ở thuyết minh số V.20b)	16.412.252.099	631.666.672

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong - PGD Nguyễn Oanh theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 47/2020/HĐTD/NOH/02 ngày 28/9/2020, hạn mức cho vay là 9 tỷ đồng, mục đích vay để đầu tư dự án điện mặt trời áp mái 1MW. Thời hạn cho vay là 84 tháng. Lãi suất vay theo thông báo của ngân hàng. Tài sản thế chấp được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp. Số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2021 là 8.071.086.093 đồng.
- Hợp đồng tín dụng số 31/2021/HĐTD/NOH/01 ngày 22/01/2021, số tiền cho vay là 928.800.000 đồng, mục đích vay để mua xe ô tô. Thời hạn cho vay là 36 tháng. Lãi suất vay theo thông báo của ngân hàng. Tài sản thế chấp được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp. Số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2021 là 786.900.000 đồng.
- Hợp đồng tín dụng số 47/2021/HĐTD/NOH/03 ngày 11/5/2021, hạn mức cho vay là 9 tỷ đồng, mục đích vay để đầu tư dự án điện mặt trời áp mái 1MW. Thời hạn cho vay là 84 tháng. Lãi suất vay theo thông báo của ngân hàng. Tài sản thế chấp được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp. Số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2021 là 8.638.000.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOUIS CAPITAL**

Số 07-09, Đường số 07, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông

Thành phố Thủ Đức - Tp Hồ Chí Minh

**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

Theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

**21. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: đồng	
						Tổng cộng	
Số dư đầu năm trước	272.999.900.000	-	2.889.093.455	9.014.324.970	-	284.903.318.425	
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	(43.483.180.922)	-	(43.483.180.922)	
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>272.999.900.000</b>	<b>-</b>	<b>2.889.093.455</b>	<b>(34.468.855.952)</b>	<b>-</b>	<b>241.420.137.503</b>	
- Lãi trong năm nay	-	-	-	91.153.208.125	7.344.919.131	98.498.127.256	
- Trích lập quỹ trong năm nay	-	-	194.286.081	(450.356.938)	185.073.919	(70.996.938)	
- Tăng/giảm do hợp nhất	-	1.954.394.241	3.354.353.200	(3.356.143.586)	79.522.995.970	81.475.599.825	
- Giảm khác	-	-	-	(706.536.512)	-	(706.536.512)	
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>272.999.900.000</b>	<b>1.954.394.241</b>	<b>6.437.732.736</b>	<b>52.171.315.137</b>	<b>87.052.989.020</b>	<b>420.616.331.134</b>	

**21. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)****b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	%	Giá trị	%
- Công ty cổ phần Louis Holdings	76.014.000.000	27,8%	-	0,0%
- Bà Đặng Mai Hương	-	0,0%	16.302.100.000	6,0%
- Các cổ đông khác	196.985.900.000	72,2%	256.697.800.000	94,0%
<b>Cộng</b>	<b>272.999.900.000</b>	<b>100,0%</b>	<b>272.999.900.000</b>	<b>100,0%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	Kỳ này	Kỳ trước
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	272.999.900.000	272.999.900.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	272.999.900.000	272.999.900.000
+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.299.990	27.299.990
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.299.990	27.299.990
- Cổ phiếu phổ thông	27.299.990	27.299.990
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.299.990	27.299.990
- Cổ phiếu phổ thông	27.299.990	27.299.990

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Đơn vị tính: đồng	
	Năm 2021	Năm 2020
<b>1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	3.909.090.909	-
- Doanh thu bán hàng hóa	701.535.179.100	10.047.458.190
- Doanh thu bán thành phẩm	89.005.781.452	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.446.898.401	171.725.000
<b>Cộng</b>	<b>801.896.949.862</b>	<b>10.219.183.190</b>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
- Giá vốn hợp đồng xây dựng	3.636.363.636	-
- Giá vốn bán hàng hóa	667.678.527.059	10.022.382.815
- Giá vốn bán thành phẩm	77.437.762.606	-
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	3.570.270.139	111.869.808
<b>Cộng</b>	<b>752.322.923.440</b>	<b>10.134.252.623</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	128.630.515	184.562
- Lãi chuyển nhượng các khoản đầu tư, chứng khoán kinh doanh	63.903.306.209	5.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	238.573.967	-
- Lãi chậm thanh toán	197.100.990	700.070.490
- Lãi hợp tác kinh doanh	-	1.256.936.658
<b>Cộng</b>	<b>64.467.611.681</b>	<b>1.962.191.710</b>

	Năm 2021	Năm 2020
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
- Lãi tiền vay	10.107.061.572	238.669.612
- Phí mua bán chứng khoán kinh doanh	1.521.822.486	-
- Lỗ chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh	19.935.391.210	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	30.631.810	-
- Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(1.540.564.206)	1.236.444.211
<b>Cộng</b>	<b>30.054.342.872</b>	<b>1.475.113.823</b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>		
- Chi phí nhân viên	3.380.484.858	-
- Chi phí vật liệu, bao bì	5.128.436.742	-
- Chi phí khác	2.222.632.249	-
<b>Cộng</b>	<b>10.731.553.849</b>	<b>-</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Chi phí nhân viên	4.742.686.648	1.030.614.261
- Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(42.950.361.961)	41.882.301.961
- Phân bổ lợi thế thương mại	1.682.933.000	-
- Chi phí khác	5.145.147.522	928.767.491
<b>Cộng</b>	<b>(31.379.594.791)</b>	<b>43.841.683.713</b>
<b>7. Thu nhập khác</b>		
- Thu thanh lý tài sản cố định	39.090.909	-
- Thu nhập khác	1.442.211.527	13.636.364
<b>Cộng</b>	<b>1.481.302.436</b>	<b>13.636.364</b>
<b>8. Chi phí khác</b>		
- Chi phí thanh lý tài sản cố định	346.802.825	-
- Chi phí khác	750.820.093	227.142.027
<b>Cộng</b>	<b>1.097.622.918</b>	<b>227.142.027</b>
<b>9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	9.441.607.450	-
<b>Cộng</b>	<b>9.441.607.450</b>	<b>-</b>
<b>10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	91.153.208.125	(43.483.180.922)
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tạm tính/ thực tế	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	91.153.208.125	(43.483.180.922)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	27.299.990	27.299.990
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.339	(1.593)
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.339	(1.593)

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Công ty không thực hiện phân phối lợi nhuận cho quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2020 do Công ty bị lỗ.

Hiện tại Công ty chưa có kế hoạch phân phối lợi nhuận cho quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2021. Do đó, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu, lãi suy giảm trên cổ phiếu chưa tính giảm trừ số ước tính sẽ trích cho quỹ khen thưởng, phúc lợi.

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BC LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ không bao gồm số tiền tại ngày 31/12/2021 là 238.573.967 đồng (tại ngày 01/01/2021 là 0 đồng), là tiền cổ tức phải thu nhưng chưa nhận được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên mục tăng giảm các khoản phải thu.
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong kỳ không bao gồm số tiền tại ngày 31/12/2021 là 64.800.000.000 đồng (tại ngày 01/01/2021 là 0 đồng), là tiền chi đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Angimex Furious trong kỳ nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên mục tăng giảm các khoản phải trả.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2. Thông tin về các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty TNHH Angimex Furious	Công ty liên kết
- Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng công nghiệp Tân Vinh	Công ty liên kết
- Công ty cổ phần Đầu tư phát triển 299	Công ty liên kết
- Công ty cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt
- Công ty cổ phần Dược Lâm Đồng	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt
- Công ty TNHH XNK Lương thực thực phẩm Thiên Vũ	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
- Công ty cổ phần XNK An Giang	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
- Công ty cổ phần Louis Land	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
- Công ty cổ phần Louis Holdings	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
- Công ty cổ phần VKC Holdings	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
- Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
- Công ty TNHH Lương thực Angimex	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
- Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
- Công ty TNHH Xây dựng Trường Giang	Người có liên quan của thành viên lãnh đạo chủ chốt
- Ông Lê Quang Nhuận	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
- Ông Đỗ Thành Nhân	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
- Ông Nguyễn Cảnh Dinh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Bà Nguyễn Thị Đông	Trưởng Ban kiểm soát
- Ông Phùng Văn Xuân	Tổng Giám đốc
- Ông Vũ Anh Sinh	Tổng Giám đốc
- Ông Ngô Thục Vũ	Tổng Giám đốc
- Bà Từ Thị Hồng Thanh	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty con
- Bà Mai Thị Kim Phượng	Kế toán trưởng Công ty con
- Bà Võ Trịnh Ngân Giang	Giám đốc Công ty con
- Bà Ngô Thị Như Phượng	Người có liên quan của thành viên lãnh đạo chủ chốt
- Bà Trịnh Thị Thúy Linh	Người có liên quan của thành viên lãnh đạo chủ chốt

**Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:**

Đơn vị tính: đồng

**Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng công nghiệp Tân Vinh**

- Bán vốn

	Năm 2021	Năm 2020
	45.000.000.000	-

**2. Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)****Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:****Công ty cổ phần Đầu tư phát triển 299**

	Năm 2021	Năm 2020
- Doanh thu cho thuê văn phòng	-	64.800.000
- Bán hàng	-	7.978.310.190
- Mua hàng	-	7.769.139.110
- Bù trừ công nợ	-	8.546.053.021
- Thu tiền bán hàng	7.297.475.898	-
- Bán vốn	76.000.000.000	-

**Công ty cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia**

	Năm 2021	Năm 2020
- Thu tiền bán hàng	5.370.607.985	-
- Bán vốn	14.000.000.000	-

**Công ty cổ phần Dược Lâm Đồng**

	Năm 2021	Năm 2020
- Mua hàng	42.414.067	-
- Doanh thu cho thuê xe ô tô	17.595.308	-
- Mua tài sản thanh lý	22.996.481.614	-
- Trả tiền mua tài sản thanh lý	18.500.000.000	-

**Công ty TNHH XNK Lương thực thực phẩm Thiên Vũ**

	Năm 2021	Năm 2020
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	50.000.000	-
- Mua hàng hóa	119.780.076.000	-
- Trả tiền mua hàng hóa	140.621.000.000	-

**Công ty cổ phần XNK An Giang**

	Năm 2021	Năm 2020
- Mua vốn của Công ty TNHH Angimex Furious	83.300.000.000	-
- Trả tiền mua vốn	18.500.000.000	-
- Doanh thu bán hàng	20.888.965.437	-
- Thu tiền bán hàng	15.719.572.884	-
- Mua hàng hóa	1.190.000.000	-
- Doanh thu bán tài sản thanh lý	133.954.545.454	-
- Thu tiền bán tài sản thanh lý	142.500.000.000	-

**Công ty cổ phần Louis Land**

	Năm 2021	Năm 2020
- Chi phí thuê văn phòng	247.272.728	-
- Trả tiền thuê văn phòng	153.000.000	-
- Nhận ủy thác đầu tư	22.000.000.000	-
- Trả tiền nhận ủy thác đầu tư	22.000.000.000	-
- Mượn tiền	6.000.000.000	-
- Trả tiền mượn	6.000.000.000	-
- Doanh thu cho thuê xe ô tô	29.636.364	-

**Công ty cổ phần Louis Holdings**

	Năm 2021	Năm 2020
- Chi phí lãi tiền vay	58.734.247	-
- Trả lãi tiền vay	58.734.247	-
- Vay tiền	14.100.000.000	-
- Trả tiền vay	14.100.000.000	-
- Thanh toán tiền mua hàng	57.602.500	-
- Trả lại tiền mua hàng	57.602.500	-
- Doanh thu cho thuê xe ô tô	129.090.909	-



**2. Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)****Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:****Công ty TNHH Xây dựng Trường Giang**

	Năm 2021	Năm 2020
- Phải thu lãi chậm thanh toán	174.061.242	700.070.490
- Thu hồi công nợ	58.016.975.296	60.500.000
- Bù trừ công nợ	-	2.292.985.200

**Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice**

	Năm 2021	Năm 2020
- Doanh thu bán hàng	110.320.153.535	-
- Thu tiền bán hàng	123.669.864.080	-
- Góp vốn đầu tư	10.000.000.000	-
- Cổ tức được chia	238.573.967	-

**Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An**

	Năm 2021	Năm 2020
- Doanh thu bán hàng	48.622.998.200	-
- Thu tiền bán hàng	30.230.000.000	-

**Ông Lê Quang Nhuận**

	Năm 2021	Năm 2020
- Đặt cọc mua văn phòng	45.000.000.000	-
- Thu hồi đặt cọc mua văn phòng	45.000.000.000	-
- Chi phí lãi tiền vay	67.056.164	-
- Trả lãi tiền vay	67.056.164	-
- Vay tiền	5.550.000.000	-
- Trả tiền vay	5.550.000.000	-

**Ông Đỗ Thành Nhân**

	Năm 2021	Năm 2020
- Tạm ứng	27.900.000.000	-
- Thu hồi tạm ứng	27.900.000.000	-
- Chi phí lãi tiền vay	85.404.650	-
- Trả lãi tiền vay	85.404.650	-
- Vay tiền	6.899.000.000	-
- Trả tiền vay	6.899.000.000	-

**Ông Nguyễn Cảnh Dinh**

	Năm 2021	Năm 2020
- Tạm ứng	6.150.001.000	225.000.000
- Thu hồi tạm ứng	6.895.839.400	3.172.100.000
- Trả tiền vay	-	95.000.000

**Bà Nguyễn Thị Đông**

	Năm 2021	Năm 2020
- Tạm ứng	11.215.795.903	-
- Thu hồi tạm ứng	11.553.865.096	-
- Trả hộ công nợ phải thu cho các khách hàng	60.270.890.247	-

**Ông Phùng Văn Xuân**

	Năm 2021	Năm 2020
- Thu hồi tạm ứng	1.500.000.000	-

**Ông Vũ Anh Sinh**

	Năm 2021	Năm 2020
- Tạm ứng	145.589.000.000	-
- Thu hồi tạm ứng	145.589.000.000	-
- Mượn tiền	20.000.000.000	-
- Trả tiền mượn	20.000.000.000	-

**2. Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)****Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:**

<b>Ông Ngô Thục Vũ</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
- Chi phí lãi tiền vay	35.926.027	-
- Trả lãi tiền vay	35.926.027	-
- Vay tiền	3.100.000.000	-
- Trả tiền vay	3.100.000.000	-

<b>Bà Trịnh Thị Thúy Linh</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
- Chi phí lãi tiền vay	441.014.217	-
- Trả lãi tiền vay	441.014.217	-
- Vay tiền	23.990.450.000	-
- Trả tiền vay	23.990.450.000	-
- Tạm ứng	9.200.000.000	-
- Thu hồi tạm ứng	9.200.000.000	-
- Trả tiền mua bất động sản	15.000.000.000	-
- Thu lại tiền mua bất động sản	15.000.000.000	-

<b>Bà Từ Thị Hồng Thanh</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
- Tạm ứng	43.790.000.000	-
- Thu hồi tạm ứng	600.000.000	-
- Mượn tiền	4.850.000.000	-
- Trả tiền mượn	2.055.000.000	-

<b>Bà Ngô Thị Như Phượng</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
- Đặt cọc tiền mua bất động sản	20.373.000.000	-
- Thu lại tiền đặt cọc mua bất động sản	20.373.000.000	-

<b>Bà Mai Thị Kim Phượng</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
- Tạm ứng	49.000.000.000	-

<b>Bà Võ Trịnh Ngân Giang</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
- Tạm ứng	1.135.100.000	-
- Mượn tiền	400.000.000	-
- Trả tiền mượn	400.000.000	-

**Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
Ông Nguyễn Mai Long	Chủ tịch Hội đồng quản trị	150.882.000	-
Ông Trịnh Văn Bảo	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	120.769.500	-
Ông Ngô Thục Vũ	Tổng Giám đốc	301.484.000	-
Ông Vũ Anh Sinh	Phó Tổng Giám đốc	144.702.000	-
Ông Nguyễn Bá Ngọc	Giám đốc tài chính	50.130.851	-
Ông Nguyễn Cảnh Đình	Chủ tịch Hội đồng quản trị	60.000.000	116.170.014
Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Thành viên Hội đồng quản trị	36.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Đông	Trưởng Ban kiểm soát	36.000.000	90.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên Ban kiểm soát	24.000.000	-
Ông Nguyễn Thủy Chung	Thành viên Ban kiểm soát	24.000.000	-
Ông Phùng Văn Xuân	Tổng Giám đốc	122.978.515	153.077.692
Bà Nguyễn Thị Hoa	Kế toán trưởng	125.656.270	-
Bà Phùng Vũ Tú Anh	Kế toán trưởng	62.445.890	-
<b>Cộng</b>		<b>1.259.049.026</b>	<b>359.247.706</b>

**2. Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)****Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:**

Đơn vị tính: đồng

<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
- Công ty cổ phần Đầu tư phát triển 299	-	7.297.475.898
- Công ty cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia	-	5.370.607.958
- Công ty TNHH Xây dựng Trường Giang	-	13.270.414.054
- Công ty TNHH XNK Lương thực thực phẩm Thiên Vũ	55.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An	18.392.998.200	-
- Công ty cổ phần Louis Holdings	142.000.000	-
- Công ty cổ phần Dược Lâm đồng	19.354.839	-
- Công ty cổ phần Louis Land	32.600.001	-
- Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	6.921.596.445	-
- Công ty TNHH Lương thực Angimex	79.598.420	-
- Công ty cổ phần VKC Holdings	11.631.847.404	-
<b>Cộng</b>	<b>37.274.995.309</b>	<b>25.938.497.910</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
- Công ty TNHH XNK Lương thực thực phẩm Thiên Vũ	20.840.924.000	-
- Bà Từ Thị Hồng Thanh	45.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>65.840.924.000</b>	<b>-</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
- Công ty TNHH Xây dựng Trường Giang	-	44.572.500.000
- Ông Nguyễn Cảnh Dinh	-	6.021.216.900
- Bà Nguyễn Thị Đông	-	338.069.193
- Ông Phùng Văn Xuân	-	1.500.000.000
- Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice	238.573.967	-
<b>Cộng</b>	<b>238.573.967</b>	<b>52.431.786.093</b>
<b>Tạm ứng</b>	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
- Bà Từ Thị Hồng Thanh	43.190.000.000	-
- Bà Mai Thị Kim Phượng	49.000.000.000	-
- Bà Võ Trịnh Ngân Giang	1.135.100.000	-
<b>Cộng</b>	<b>93.325.100.000</b>	<b>-</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
- Công ty cổ phần Dược Lâm Đồng	6.842.286.365	-
- Công ty cổ phần XNK An Giang	65.990.000.000	-
- Công ty cổ phần Louis Land	119.000.000	-
- Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP	-	1.349.488.860
<b>Cộng</b>	<b>72.951.286.365</b>	<b>1.349.488.860</b>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
- Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	1.049.190.000	-
- Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice	13.082.734.882	-
<b>Cộng</b>	<b>14.131.924.882</b>	<b>-</b>
<b>Phải trả khác</b>	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
- Bà Từ Thị Hồng Thanh	2.795.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.795.000.000</b>	<b>-</b>

**3. Báo cáo bộ phận**

Đơn vị tính: đồng

**a) Theo lĩnh vực kinh doanh****Hoạt động kinh doanh thương mại**

	Năm 2021	Năm 2020
- Doanh thu bán hàng hóa	701.535.179.100	10.047.458.190
- Giá vốn bán hàng hóa	667.678.527.059	10.022.382.815
- Lợi nhuận gộp về bán hàng hóa	33.856.652.041	25.075.375

**Hoạt động khác**

- Doanh thu hợp đồng xây dựng, bán thành phẩm và cung cấp dịch vụ	100.361.770.762	171.725.000
- Giá vốn hợp đồng xây dựng, bán thành phẩm và cung cấp dịch vụ	84.644.396.381	111.869.808
- Lợi nhuận gộp về hợp đồng xây dựng, bán thành phẩm và cung cấp dịch vụ	15.717.374.381	59.855.192

**Tổng cộng**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	801.896.949.862	10.219.183.190
- Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	752.322.923.440	10.134.252.623
- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	49.574.026.422	84.930.567

**b) Theo khu vực địa lý**

Hiện tại, hoạt động của Công ty là kinh doanh trong các khu vực địa lý không có khác biệt lớn về điều kiện sản xuất kinh doanh. Do đó, không có Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý được trình bày.

**4. Công cụ tài chính**

Đơn vị tính: đồng

**Tài sản tài chính**

	31/12/2021	01/01/2021
- Tiền và các khoản tương đương tiền	11.653.198.114	769.018.622
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.886.976.000	-
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	283.605.229.922	57.408.756.210
<b>Cộng</b>	<b>297.145.404.036</b>	<b>58.177.774.832</b>

**Công nợ tài chính**

	31/12/2021	01/01/2021
- Phải trả người bán và phải trả khác	288.282.250.897	11.754.642.843
- Chi phí phải trả	531.820.636	-
- Các khoản vay và nợ thuê tài chính	91.535.100.710	1.463.708.684
<b>Cộng</b>	<b>380.349.172.243</b>	<b>13.218.351.527</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ (USD). Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

**4. Công cụ tài chính (tiếp theo)****Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định các chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác có liên quan.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn nằm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2021	Dưới 01 năm	Trên 01 năm	Tổng cộng
<b>Tài sản tài chính</b>	<b>289.514.207.979</b>	<b>7.631.196.057</b>	<b>297.145.404.036</b>
- Tiền và các khoản tương đương tiền	11.653.198.114	-	11.653.198.114
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.886.976.000	-	1.886.976.000
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	275.974.033.865	7.631.196.057	283.605.229.922
<b>Công nợ tài chính</b>	<b>357.783.920.144</b>	<b>22.565.252.099</b>	<b>380.349.172.243</b>
- Phải trả người bán và phải trả khác	282.129.250.897	6.153.000.000	288.282.250.897
- Chi phí phải trả	531.820.636	-	531.820.636
- Các khoản vay và nợ thuê tài chính	75.122.848.611	16.412.252.099	91.535.100.710
<b>01/01/2021</b>	<b>Dưới 01 năm</b>	<b>Trên 01 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Tài sản tài chính</b>	<b>58.177.774.832</b>	<b>-</b>	<b>58.177.774.832</b>
- Tiền và các khoản tương đương tiền	769.018.622	-	769.018.622
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	57.408.756.210	-	57.408.756.210
<b>Công nợ tài chính</b>	<b>9.113.684.855</b>	<b>4.104.666.672</b>	<b>13.218.351.527</b>
- Phải trả người bán và phải trả khác	8.281.642.843	3.473.000.000	11.754.642.843
- Chi phí phải trả	-	-	-
- Các khoản vay và nợ thuê tài chính	832.042.012	631.666.672	1.463.708.684

Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**5. Thông tin so sánh**

Năm 2021 là năm đầu tiên Công ty lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2022

**Người lập biểu**



**Phùng Vũ Tú Anh**

**Kế toán trưởng**



**Phùng Vũ Tú Anh**

**Tổng Giám đốc**



**Ngô Thục Vũ**

